

Bản án số: 270/2020/HS-PT

Ngày: 27-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nữ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng;
Ông Nguyễn Bá Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 216/2020/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Việt T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Họ và tên: **Nguyễn Việt T**, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 30, tổ 17, khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tâm (đã mất) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; gia đình có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ năm; vợ Thị T, sinh năm 1995, bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 21/12/2019, ngày 30/12/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nguyễn Thị L là Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: 124 Thích Quảng Đức, khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Việt T là công nhân Công ty TNHH Starite Internationnal Việt Nam- khu công nghiệp Bàu Xéo, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt của công nhân trong nhà xe công ty để bán lấy tiền. Ngày 20/12/2019, T đến công ty làm việc bằng xe đưa đón công nhân của công ty. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày T gặp cán bộ quản lý xin nghỉ về sớm thì được cán bộ quản lý đồng ý, Sau đó, T đi bộ đến nhà để xe công nhân của công ty quan sát thấy xe mô tô biển số 60B8-707.62 trên yên xe có ghi số thẻ công nhân 14440 của chị Phạm Thị T là công nhân công ty, thấy xe còn mới T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị T. Do T là công nhân của công ty nên biết việc bảo vệ cho in số thẻ của công nhân lên yên xe thay thế giữ xe và cũng cho phép công nhân gửi xe trong nhà xe được ghi hai số thẻ công nhân khác nhau trên yên xe, khi công nhân lấy xe bảo vệ công ty sẽ đối chiếu số thẻ công nhân và số in trên yên xe và cho công nhân lấy xe ra khỏi công ty. T dùng cây viết xóa nhặt được tại nơi làm việc viết thêm số 10368 là số thẻ công nhân của T lên yên xe mô tô biển số 60B8-707.62 của chị Tầm rồi dẫn bộ ra cổng công ty, lúc này chị Đỗ Thị Mỹ L là nhân viên bảo vệ công ty kiểm tra thấy số thẻ công nhân của T trùng với số ghi trên yên xe do T viết nên cho T ra khỏi công ty. Sau khi lấy được xe T mang xe đến tiệm sửa khóa xe của ông Trần Đức Hiếu ở chợ Lộc Hòa, xã T, huyện T nhờ mở khóa xe, sau đó T mở yên xe phát hiện trong cốp xe có một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B8-707.62 do chị T đứng tên, T lấy cất vào túi áo và chạy xe về nhà. Do sợ bị phát hiện nên T dùng xăng xóa số 10368 trên yên xe và viết số 7789 đề lên trên rồi đưa xe đến gửi tại nhà xe bệnh viện đa khoa thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T đến bệnh viện lấy xe đem đến tiệm cầm đồ 79-K ở khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố L do bà Lê Thị L làm chủ, cầm cố được số tiền 20.000.000 đồng, sau đó T tiêu xài và dùng trả nợ hết số tiền trên. Đến ngày 21/12/2019, T đến Đoàn công an khu công nghiệp B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Cùng ngày, Đoàn

công an khu công nghiệp Bàu Xéo đã chuyển giao T cho Công an huyện T xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 25/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện T kết luận: 01 xe mô tô biển số 60B8-707.62 T chiếm đoạt trị giá 24.500.000 đồng.

Ngày 30/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Việt T để điều tra, quá trình điều tra T đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ 01 xe mô tô biển số 60B8-707.62, kèm theo giấy đăng ký xe, 01 thẻ nhớ USB, 01 thẻ công nhân mang mã số 10368 mang tên Nguyễn Việt T.

Ngày 18/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe mô tô biển số 60B8-707.62, kèm theo giấy đăng ký xe cho Công ty TNHH Starite International Việt Nam. Đại diện công ty đã nhận và không có yêu cầu gì khác.

Về dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Việt T đã tự nguyện trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 20.000.000 đồng, bà Lan đã nhận và không có yêu cầu gì thêm.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 30/12/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Việt T có đơn kháng cáo về hình phạt của bản án sơ thẩm, đề nghị được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo T giữ nguyên kháng cáo, không giao nộp thêm chứng cứ mới.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo Nguyễn Việt T các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,

bị cáo ra đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên bị cáo đã khắc phục hậu quả nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết này cho bị cáo.

- **Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị:** Xem xét cho bị cáo được hưởng án treo các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo đã khắc phục hậu quả, bị cáo có quyết định ly hôn số 148/2019/QQĐST-HNGĐ ngày 02/08/2019 của TAND thành phố L, đang nuôi con nhỏ và lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt T được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Việt T khai và nhận hành vi phạm tội đúng như tài liệu có tại hồ sơ, mô tả tại bản án sơ thẩm. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Việt T về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về mức hình phạt áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bào chữa và bị cáo đề nghị xem xét được hưởng án treo các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã khắc phục hậu quả, bị cáo có quyết định ly hôn đang nuôi con nhỏ và lao động chính trong gia đình.

Xét cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo Nguyễn Việt T các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trên cơ sở phân hóa tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo T nhận thấy, bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối sử dụng số thẻ công nhân 10368 của chính mình viết lên yên xe mô tô biển số 60B8-707.62 của Công ty TNHH Starite International Việt Nam, làm cho bảo vệ Công ty lầm tưởng bị cáo chính là chủ sở hữu xe nên cho dẫn bộ xe ra khỏi Công ty TNHH Starite International Việt Nam rồi đem xe gửi nơi khác. Sau đó mang xe chiếm đoạt cầm cố được số tiền 20.000.000 đồng và tiêu sài; trị giá xe mô tô biển số 60B8-707.62 là 24.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác

được pháp luật bảo vệ. Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt bị cáo mức án 10 tháng tù là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Hội đồng phúc thẩm xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là chưa đầy đủ căn bổ sung và nhận định cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Việt T phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Việt T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2019 đến ngày 30/12/2019.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, huyện (2);
- TAND cấp sơ thẩm (2);
- Công an cấp quận, huyện (1);
- THADS huyện (1);
- Phòng PV27- Công an tỉnh (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu HS, VP (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Nữ